

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1109/2024/HC-PT

Ngày: 27 - 9 - 2024

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
và hành vi hành chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN
DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Ông Phạm Trí Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 598/2024/TLPT-HC ngày 15 tháng 7 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2024/HC-ST ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3315/2024/QĐPT-HC ngày 09 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955 (có mặt)

Địa chỉ: Số D N, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện:

1/Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H (vắng mặt)

Địa chỉ: H L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

2/Ủy ban nhân dân quận T (xin vắng mặt)

3/Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: C T, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Lê Anh T1 – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường quận T (vắng mặt).

4/Văn phòng đăng ký Đất đai Thành phố H

Địa chỉ: Số A P, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Bà Võ Thị Cẩm X – Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký Đất

đại quận T (vắng mặt);

- Ông Tống Sơn V – Chuyên viên Chi nhánh Văn phòng đăng ký Đất đai quận T (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số C T, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trương Thị H, sinh năm 1961 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số D N, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T (có mặt).

Địa chỉ: Số D N, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, người khởi kiện trình bày:

Phần đất diện tích 85m² thuộc thửa 26, Tờ bản đồ số 08 (nay là thửa 33, Tờ bản đồ số 17 tại địa chỉ D N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh) có nguồn gốc của Quân khu G cấp cho gia đình ông Nguyễn Văn T vào năm 1992.

Ngày 29/7/1998, Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 9480/98 (gọi tắt là Giấy chứng nhận) cho ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị H. Tại Giấy chứng nhận, Ủy ban nhân dân Thành phố H chỉ công nhận 74m² đất cho gia đình ông T, còn lại khoảng 11m² đất Ủy ban nhân dân Thành phố H ghi chú là “*phần diện tích nhà đất không công nhận*”.

Năm 2001, Ủy ban nhân dân Thành phố H tiếp tục cấp giấy chứng nhận cho các hộ dân còn lại (được Quân khu 7 cấp đất sử dụng trước đó) có cùng địa điểm mặt tiền đường Nguyễn Minh H1 và sát với nhà ông T). Theo đó, các hộ gia đình này được công nhận toàn bộ diện tích, trong đó phần diện tích khoảng 11m² và được ghi chú là “*phần diện tích nhà và đất nằm trong quy hoạch lộ giới được công nhận*”. Do đó, ông T tiếp tục lập hồ sơ xin được công nhận bổ sung phần đất khoảng 11m² của gia đình ông mà Ủy ban nhân dân Thành phố H chưa công nhận.

Ngày 10/3/2022, Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H - chi nhánh quận T ban hành Văn bản số 397/CNTB gửi ông T với nội dung phần đất ông T xin cấp giấy chứng nhận bổ sung nằm trong quy hoạch lộ giới đường N nên Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận T không có cơ sở tham mưu cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận và công nhận bổ sung phần đất diện tích 10,9m² cho căn nhà của ông T. Ông T khiếu nại.

Ngày 13/6/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Văn bản số 1104/UBND-ĐT về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn T với nội dung yêu cầu của ông T đề nghị công nhận bổ sung phần diện tích nằm trong lộ giới 10,9m² của căn nhà số D N (số cũ 1 H, Phường A, quận T) là không có cơ sở xem xét.

Ngày 15/7/2022, ông T tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H đề nghị công nhận bổ sung phần đất thuộc lộ giới chưa được công nhận của gia đình ông bà. Tuy nhiên, đơn khiếu nại của ông H1 không được giải quyết.

Ngày 08/3/2023, ông Nguyễn Văn T làm đơn khởi kiện (đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 18/4/2023) yêu cầu Tòa án:

1/Tuyên bố hành vi không giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H là trái pháp luật; Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật;

2/Tuyên bố hành vi của Ủy ban nhân dân quận T từ chối công nhận bổ sung phần đất đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận của ông T là trái pháp luật;

3/Tuyên hủy Văn bản số 1104/UBND-ĐT ngày 13/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T;

4/Tuyên hủy Văn bản số 397/CNTB ngày 10/3/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận T.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân quận T trình bày:

Căn nhà số D đường N, Phường A, quận T có nguồn gốc đất Quân đội cấp cho ông Nguyễn Văn T2 theo Giấy phân phối đất xây dựng nhà ở số 410/QĐ-ND ngày 18/6/1992. Sau đó, được Ủy ban nhân dân Thành phố cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 9480/98 ngày 29/7/1998 cho Nguyễn Văn T và bà Trương Thị H đối với căn nhà số D đường N (số cũ 1 H), Phường A, quận T với diện tích đất được công nhận là 74m².

Căn cứ đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường 12 đã được Ủy ban nhân dân quận T phê duyệt tại Quyết định số 639/QĐ-UBND ngày 07/7/2009. Căn nhà trên thuộc quy hoạch đất ở. Lộ giới đường N quy định 16m.

Theo bản vẽ hiện trạng nhà số A đường H, Phường A, quận T do Công Ty Trách nhiệm hữu hạn khảo sát và thiết kế ADEC lập ngày 28/11/1997 đã được Phòng Quản lý đô thị kiểm tra nội nghiệp ngày 02/12/1997; trong đó, diện tích khuôn viên đất 17m x 5m = 85m²; diện tích vi phạm lộ giới: 5m x 2,2m = 11m²; quy mô: 3 tầng + sân; lộ giới hẻm A đường H quy định 16m. Nay số nhà mới là số 45 đường N, Phường A, quận T.

Sau đó, căn nhà số D đường N (số C đường H), Phường A, quận T được Ủy ban nhân dân Thành phố cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 9480/98 ngày 29/7/1998 cho ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị H với diện tích khuôn viên đất là 85m² (trong đó diện tích đất được công nhận là 74m² và diện tích không được công nhận là 11m²); quy mô: 3 tầng + sân.

Ngày 26/8/1995, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 6280/QĐ-UB-QLĐT về việc ban hành quy định thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Thủ tục chuyển quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại thành phố Hồ Chí Minh.

Theo khoản 3 Điều 12 của Quyết định số 6280/QĐ-UB-QLĐT ngày 26/8/1995 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định: “*Đồng thời với việc đăng báo và niêm yết thông báo nói tại khoản 2 trên đây, Phòng Quản lý đô thị xét duyệt hồ sơ hiện trạng, vị trí nhà, đối chiếu với bản đồ quy hoạch đã được công bố, ghi chú rõ những phần nhà, đất vi phạm quy hoạch, không được công nhận (nếu có)*”.

Do đó, theo quy định tại thời điểm xem xét cấp giấy chứng nhận lần đầu thì phần diện tích không được công nhận 11m² khi cấp giấy chứng nhận năm 1998 cho ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị H là áp dụng theo khoản 3 Điều 12 của Quyết định số 6280/QĐ-UB-QLĐT ngày 26/8/1995 của Ủy ban nhân dân Thành phố là đúng quy định tại thời điểm xem xét cấp giấy.

Nay ông Nguyễn Văn T đề xuất công nhận bổ sung phần diện tích 10,9m² của căn nhà số D đường N (số C đường H), Phường A, quận T. Phần diện tích 10,9m² hiện nay nằm trong quy hoạch lộ giới đường N là không phù hợp.

Từ những cơ sở pháp lý trên, Ủy ban nhân dân quận T nhận thấy việc ông Nguyễn Văn T đề nghị công nhận bổ sung phần diện tích nằm trong lộ giới 10,9m² của căn nhà số D đường N (số cũ 1 H), Phường A, quận T là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Đồng thời, việc ông T đề xuất công nhận phần diện tích 10,9m² của căn nhà số D đường N (số cũ 1 H), Phường A, quận T đã được Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H – Chi nhánh T trả lời Văn bản số 397/CNTB ngày 10/3/2022 gửi ông Nguyễn Văn T về việc giải quyết hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Theo nội dung văn bản “...Do đó, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận T không có cơ sở tham mưu cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận và công nhận bổ sung phần diện tích 10,9m² cho căn nhà trên theo đề nghị của ông, bà”.

Người bị kiện Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H không có văn bản ý kiến.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H – bà Võ Thị Cẩm X và ông Tống Sơn V có ý kiến:

Về nguồn gốc nhà, đất số D đường N, phường A quận T: Căn nhà số D đường N (số nhà C : 116/45 H), phường A quận T có nguồn gốc do vợ chồng ông Nguyễn Văn T – bà Trương Thị H sở hữu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sử dụng đất ở số 9480/98 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 29/7/1998 với diện tích khuôn viên đất : 74m²; diện tích xây dựng : 71m²; diện tích sử dụng : 208,12m²; quy mô nhà 3 tầng. Nhà có một phần diện tích đất nằm trong quy hoạch lộ giới không được công nhận có thể hiện trên Giấy chứng nhận. (Kèm theo Bản vẽ hiện trạng nhà số 10380/HT97 do Công ty TNHH K lập ngày 28/11/1997 đã được Phòng Quản lý đô thị quận T kiểm tra nội nghiệp, theo đó hẻm A H (nay là đường N) có lộ giới 16 mét, phần diện tích nằm trong quy hoạch lộ giới là 2,2m x 5m = 11m²).

Quá trình giải quyết hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận của ông

Nguyễn Văn T :

Năm 2022, ông bà Nguyễn Văn T – Trương Thị H nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ hành chính của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận T – Trung tâm Hành chính quận T đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận và đề nghị được công nhận bổ sung phần diện tích đất trước đây nằm trong quy hoạch lộ giới (không được công nhận trong Giấy chứng nhận cấp năm 1998) đối với nhà, đất số 45 đường N, phường A quận T; kèm theo Bản vẽ sơ đồ nhà đất số 107/HĐĐV-2021 do Công ty TNHH K lập ngày 22/11/2021 đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận T kiểm tra nội nghiệp 15/01/2022.

Do phần diện tích mà ông Nguyễn Văn T đề nghị công nhận bổ sung là phần diện tích nằm trong quy hoạch lộ giới, trước đây không được công nhận trong Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 9480/98 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 29/7/1998. Hiện nay, phần diện tích nhà đất nêu trên vẫn nằm trong quy hoạch lộ giới và không phù hợp quy hoạch, hiện trạng nhà đất và ranh quy hoạch lộ giới không có thay đổi, điều chỉnh.

Do vậy, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận T đã có văn bản số 397/CNTB ngày 10/3/2022 trả lời chưa có cơ sở tham mưu cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận và công nhận bổ sung phần diện tích nhà đất nằm trong quy hoạch lộ giới theo đề nghị của ông Nguyễn Văn T.

Qua đối chiếu quy định của pháp luật về nhà đất hiện hành, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận T nhận thấy không có quy định về việc cấp quyền sử dụng, quyền sở hữu cho phần diện tích nằm trong quy hoạch lộ giới, không phù hợp quy hoạch đối với các trường hợp nhà đất trước đây đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và đã không công nhận phần diện tích nhà đất đó.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H không có văn bản ý kiến.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 49/2024/HC-ST ngày 01 tháng 3 năm 2024 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1/Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Nguyễn Văn T về việc: Tuyên bố hành vi không giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H là trái pháp luật và buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật.

2/Bác yêu cầu của người khởi kiện về việc tuyên hủy: Văn bản số 397/CNTB ngày 10/3/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận T, Văn bản số 1104/UBND-ĐT ngày 13/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T và tuyên bố hành vi của Ủy ban nhân dân quận T từ chối công nhận bổ sung phần đất đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận của ông T là trái pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/3/2024, người khởi kiện là ông Nguyễn

Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện là ông Nguyễn Văn T vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T vì nhà do ông T xây năm 1992, có giấy phép xây dựng, khi xây nhà chưa có quy hoạch lộ giới, đến năm 1998 mới có quy hoạch lộ giới nhưng ủy ban lại áp quy hoạch năm 1998 để xét hành vi xây nhà của ông T năm 1992 là không đúng. Mặt khác, các căn nhà liền kề nhà ông T cũng xây dựng cùng thời điểm năm 1992 lại được công nhận toàn bộ diện tích đất 85m².

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị H (có ông Nguyễn Văn T đại diện theo ủy quyền) yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ quy định của pháp luật Tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xử có căn cứ và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án triệu tập hợp lệ, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H và Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H, vắng mặt; Ủy ban nhân dân quận T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt các đương sự này.

[2] Hồ sơ vụ án thể hiện, ông Nguyễn Văn T vừa khởi kiện Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H, Ủy ban nhân dân quận T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T về việc không thụ lý hồ sơ và tiến hành cấp giấy chứng nhận bổ sung, vừa yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H giải quyết khiếu nại việc từ chối cấp giấy chứng nhận của các cơ quan nêu trên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ điểm h khoản 1 Điều 143 Luật Tố tụng hành chính đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông T về việc: Tuyên bố hành vi không giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H là trái pháp luật và buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H giải quyết khiếu nại là đúng quy định của pháp luật.

[3] Phần đất diện tích 85m² thuộc thửa 26, tờ bản đồ số 08 (nay là thửa 33, Tờ bản đồ số 17 tại địa chỉ D N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh)

có nguồn gốc của Quân khu 7 cấp cho gia đình ông Nguyễn Văn T theo Giấy phân phối đất xây dựng nhà ở số 410/QĐ-NĐ ngày 18/6/1992.

Ngày 25/02/1998, Ủy ban nhân dân quận T xác nhận Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở ngày 06/11/1997 của ông Nguyễn Văn T gửi Ủy ban nhân dân Thành phố H với nội dung: Nhà không có trong danh sách thuộc diện 2/4; Nhà xây dựng tháng 3/1993; Nhà có diện tích theo bản vẽ nằm trong quy hoạch lộ giới đề nghị không công nhận phần diện tích này, đính kèm bản vẽ hiện trạng số 10380 ngày 02/12/1997.

Tại Bản vẽ hiện trạng số 10380 ngày 02/12/1997 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn K1 ghi nhận nhà có ông T có: Phần diện tích 5m x 2.2m nằm trong quy hoạch lộ giới, khi có yêu cầu mở rộng đường chủ nhà phải chấp hành.

Tại Giấy phép xây dựng số 165/GPXD ngày 13/4/1998 của Kiến trúc sư trưởng Thành phố cấp cho ông T có nội dung: Ranh xây dựng cách tim đường 8,6m; ...; Phần công và tường rào nằm trong quy hoạch lộ giới đường, chủ nhà phải tháo dỡ không điều kiện khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 60-CP ngày 05/07/1994, Điều 33 Nghị định số 88-CP ngày 17/8/1994 thì phần công và tường rào (diện tích 5m x 2.2m) của nhà ông T tại thời điểm xin cấp giấy chứng nhận đã nằm trong quy hoạch lộ giới nên tại Giấy chứng nhận số 9480/98 ngày 29/7/1998, Ủy ban nhân dân Thành phố H chỉ công nhận 74m² đất cho gia đình ông T, còn lại khoảng 11m² đất thuộc quy hoạch lộ giới, Ủy ban nhân dân Thành phố H ghi chú là “phần diện tích nhà đất không công nhận” là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Ông T cho rằng những hộ dân khác cũng thuộc trường hợp được Quân khu 7 cấp đất có cùng địa điểm mặt tiền đường Nguyễn Minh H1, được công nhận toàn bộ diện tích đất. Do đó, ông T yêu cầu được công nhận bổ sung phần diện tích khoảng 11m² mà Ủy ban nhân dân quận T chưa công nhận cho gia đình ông. Để chứng minh cho lời trình bày, ông T nêu ra việc cấp giấy chứng nhận đối với phần đất của gia đình ông Trần Văn L và bà Hoàng Thị Thanh T3. Phần đất của nhà ông L sát với nhà ông T, cùng diện tích như nhà ông T, nhưng tại Giấy chứng nhận số 32125/2001 ngày 26/12/2001, Ủy ban nhân dân Thành phố H công nhận phần diện tích nhà và đất nằm trong quy hoạch lộ giới.

Xét, tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 của Chính phủ về thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đất đai quy định: *Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 1999 của Chính phủ về thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế quyền sử dụng đất và thế chấp, góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất (gọi tắt là Nghị định số 17/1999/NĐ-CP của Chính phủ), thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nêu tại khoản này mà đất đó nằm trong quy hoạch xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa có quyết định thu hồi đất để thực hiện quy hoạch đó thì vẫn được cấp giấy chứng nhận quyền*

sử dụng đất nhưng phải chấp hành đúng các quy định về xây dựng. Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện quy hoạch xây dựng thì tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phải chấp hành quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được đền bù thiệt hại về đất, tài sản có trên đất theo quy định của pháp luật. Do đó, Ủy ban nhân dân Thành phố H công nhận phần diện tích nhà và đất nằm trong quy hoạch lộ giới của gia đình ông L tại Giấy chứng nhận số 32125/2001 ngày 26/12/2001 là phù hợp quy định pháp luật tại thời điểm cấp giấy. Do quy định pháp luật tại thời điểm Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp giấy chứng nhận cho ông T và ông L là khác nhau, nên việc ông T sử dụng giấy chứng nhận của ông L là căn cứ cho yêu cầu khởi kiện của ông T là không có cơ sở.

[5] Mặt khác, tại phụ lục đính kèm Quyết định số 4963/QĐ-UB-QLĐT ngày 30/8/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc phê duyệt lộ giới (chỉ giới đường đỏ) đợt 2 các tuyến đường Thành phố Hồ Chí Minh thì lộ giới hẻm A H (đoạn từ đường H đến đường A) có lộ giới là 16m.

Ngày 07/7/2009, Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 639/QĐ-UBND về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư Phường A, quận T, diện tích 88,83ha, theo đó, đường Nguyễn Minh H1 (đoạn từ đường H đến đường A) được quy hoạch lộ giới giao thông là 16m.

Tại Bản vẽ sơ đồ nhà đất ngày 22/11/2021 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn K1 được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận T duyệt ngày 15/01/2022 ghi nhận: *Lộ giới đường Nguyễn Minh H1 quy định: 16m; Diện tích không phù hợp quy hoạch: thuộc vi phạm lộ giới: 11,38m²*. Như vậy, quy hoạch lộ giới đường N đến nay vẫn còn hiệu lực.

Căn cứ Điều 100 Luật Đất đai 2013 và điểm c khoản 4 Điều 56 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ thì phần đất của ông T đã được Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến nay giấy chứng nhận chưa bị thu hồi, hủy bỏ. Quy định pháp luật hiện hành chưa quy định trường hợp công nhận bổ sung phần đất nằm trong quy hoạch lộ giới giao thông không được công nhận tại giấy chứng nhận đã cấp trước đó. Do đó, Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H và Ủy ban nhân dân quận T từ chối công nhận bổ sung cấp giấy chứng nhận phần đất diện tích 10,9m² thuộc quy hoạch lộ giới của gia đình ông T là có căn cứ.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện có kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh nên bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[7] Các phần quyết định khác của bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[8] Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955 là người cao tuổi nên được miễn theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính,

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn T.

Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 49/2024/HC-ST ngày 01/3/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng Luật Đất đai năm 2013; Điều 116, Điều 173, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Nguyễn Văn T về việc: Tuyên bố hành vi không giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H là trái pháp luật và buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật.

2. Bác yêu cầu của người khởi kiện về việc tuyên hủy: Văn bản số 397/CNTB ngày 10/3/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai quận T, Văn bản số 1104/UBND-ĐT ngày 13/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T và tuyên bố hành vi của Ủy ban nhân dân quận T từ chối công nhận bổ sung phần đất đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận của ông T là trái pháp luật.

3. Các phần quyết định khác của bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

4. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Các đương sự (6);
- Lưu: hồ sơ vụ án (1), VP (5), 17b (PPC);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Nhựt Bình

